

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Đầu tư Cụm công nghiệp Hải Long - Xuân Khang, huyện Như
Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Hợp Lực**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Cụm công nghiệp Hải Long - Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 6098/STNMT-BVMT ngày 06/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án “Dự án Đầu tư Cụm công nghiệp Hải Long - Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Hợp Lực”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 927/Tr-STNMT ngày 03/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư Cụm công nghiệp Hải Long - Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Hợp Lực (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hải Long và xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư Cụm công nghiệp Hải Long - Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Hợp Lực thực hiện tại xã Hải Long và xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Hợp Lực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND các xã: Hải Long, Xuân Khang (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
Hải Long - Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Hợp Lực

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hải Long - Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.
- Địa điểm thực hiện: xã Hải Long và xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Hợp Lực
- + Đại diện: Ông Lê Tiến Xuân - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: KCN Đình Hương, phường Đông Thọ, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá; Số điện thoại: 0904.604.767

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hải Long – Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất quy hoạch diện tích 488.561,0m² thuộc địa giới hành chính xã Hải Long và xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Quy mô xây dựng bao gồm: San nền; trồng cây xanh; cấp nước, thoát nước mưa; thoát nước thải và vệ sinh môi trường; xây dựng hệ thống xử lý nước thải; đường giao thông; cấp điện; chiếu sáng; phòng cháy chữa cháy và các hạng mục công trình phụ trợ khác, cụ thể:
 - + Đất công nghiệp (304.560,4 m²), Đất công trình dịch vụ phục vụ công nghiệp (11.677,5 m²), Đất cây xanh (49.294,7 m²), Khu HTKT và xử lý môi trường (46.351,8 m²), Giao thông nội khu (76.676,6 m²).
 - + Quy mô về lao động: 8.000 người
- Các loại hình đầu tư vào Cụm công nghiệp gồm: may mặc, chế biến thực phẩm, chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng chế biến nông sản, lâm sản, chế tác đá mỹ nghệ, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; sản xuất các sản phẩm nhựa với điều kiện nguyên liệu sử dụng sản xuất là hạt nhựa và các ngành nghề khác có liên quan. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp phải đảm bảo quy định về môi trường.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án:

- (1) San nền trên tổng diện tích 488.561,0m², trong đó có hoạt động xin cấp quyền khai thác tận thu đất dôi dư trong quá trình san nền để làm vật liệu san lấp cho dự án khác với khối lượng khoảng 2.901.343 m³.

(2) Hệ thống đường giao thông với tổng chiều dài 3.369,8m, diện tích mặt đường khoảng 45.068,4m².

(3) Hệ thống cấp điện bao gồm 10 trạm biến áp.

(4) Hệ thống cấp nước của dự án có tổng chiều dài khoảng 6.339 m.

(5) Hệ thống thông tin liên lạc.

(6) Hệ thống cây xanh của Dự án có diện tích khoảng 49,294,7 m² chiếm 10,1% tổng diện tích cụm công nghiệp.

(7) Hệ thống thoát nước mưa của dự án bao gồm khoảng 4.733 m cống tròn, 3.199 m mương hở, 102 giếng thăm và 180 giếng thu.

(8) Hệ thống thu gom nước thải của Dự án bao gồm 5.102,5 m đường ống thu gom.

(9) Trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 1.000m³/ngày đêm bao gồm 2 modul, mỗi modul có công suất 500/ngày đêm và 01 hồ sơ có (dung tích 1.900m³); đường ống thoát nước thải từ trạm xử lý nước thải ra mương thoát nước phía Tây Nam khu đất dự án.

- Các hoạt động của Dự án: Các hoạt động của dự án bao gồm hoạt động xây dựng và kinh doanh hệ thống hạ tầng Cụm công nghiệp. Hoạt động tận thu đất thừa để làm vật liệu san lấp cho dự án khác với khối lượng khoảng 2.901.343 m³.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Xây dựng các hạng mục của nhà đầu tư thành viên; Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động của hệ thống xử lý chất thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh khoảng 4,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển...phát sinh khoảng 35m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu thi công với thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2 , NO_x , CO ...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất dôi dư (tận thu san nền cho các dự án khác), thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2 , NO_2 , CO ...

3.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 55kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Tổng khối lượng CTR trong quá trình giải phóng mặt bằng: 1.979 tấn, bao gồm: các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hoa màu, gốc cây trồng...

+ CTR trong quá trình thi công các hạng mục công trình: 804,2 tấn, bao gồm: cát, đá, xi măng, gạch vỡ, bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng...

+ Đất đào dư thừa trong quá trình san gạt khoảng 2.901.343,0 m³.

3.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 5,0kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải,...

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 1.376 lít/trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công và sửa chữa nhỏ.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải từ quá trình vận hành của CCN phát sinh lớn nhất khoảng 915 m³/ngày. đêm. Thành phần nước thải phụ thuộc vào loại hình, công nghệ sản xuất của từng nhà máy thành viên, chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng công trình của các nhà đầu tư thứ cấp; hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp, các công trình xử lý chất thải... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO , SO_2 , NO_2 , H_2S , NH_3 , CH_4 ,...

3.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 15,81kg/ngày.đêm. Bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt (thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...) và Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp (Thành phần chất thải rắn phụ thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp và công nghệ của từng doanh nghiệp sản xuất).

3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại từ quá trình sản xuất của các nhà sản xuất thành viên bao gồm, các loại chất thải dính dầu mỡ, chất thải chứa kim loại, ... có

khối lượng ước tính bằng 1,0% tổng khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh, khoảng 0,1581 tấn/ngày.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung có khối lượng lớn nhất khoảng 142,74 m³/năm phát sinh trong quá trình vận hành của toàn bộ cụm công nghiệp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt (lưu lượng 2,76 m³/ngày): Bố trí 01 hố lắng thể tích 1,5 m³/hố (kích thước 1,5m x 1,0m x 1,0m) để thu gom; bể được lót đáy và thành bằng vữa địa kỹ thuật (HDPE) để chống thấm. Nước thải sau khi lắng tại bể thu gom thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu.

- Nước thải nhà vệ sinh lưu lượng 1,84 m³/ngày: Thuê 04 nhà vệ sinh di động sử dụng trong quá trình thi công để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ với tần suất 1 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Bố trí hố lắng tạm 15 m³ (kích thước 3,0m x 2,5m x 2,0m), có thanh gạt dầu mỡ và lót đáy để thu gom nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công. Nước thải sau đó được tái sử dụng một phần cho rửa xe, máy móc, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý khí thải:

- Để đảm bảo nồng độ khí thải: CO, SO₂, NO₂...trong quá trình vận chuyển đất đào dư thừa từ dự án đến các khu vực có nhu cầu đất san lấp nằm trong giới hạn QCVN 05:2013/BTNMT, thực hiện thủ tục xin cấp quyền khai thác và tận thu đất vận chuyển đi san lấp các công trình trong khu vực không quá 725.336 m³/năm, đồng thời báo cáo UBND tỉnh để gia hạn tiến độ thực hiện dự án phù hợp với tiến độ khai thác tận thu đất san lấp.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo ẩm, giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt tại tuyến đường liên xã (đoạn qua khu vực dự án).

- Máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực để vật liệu được dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ...

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 04 thùng đựng rác thải sinh hoạt có thể tích 40 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại; hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng: Các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hoa màu, gốc cây trồng...khối lượng 1.979 tấn, người dân thu hoạch trước khi thi công.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình: khối lượng 804,2 tấn, gồm cát, đá, gạch vỡ ...thu gom sau mỗi ca làm việc, tận dụng san nền tại chỗ. Bùn cặn, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với đất đào hạ cốt nền, bóc phong hóa khối lượng 4.019.141,48 m³, trong đó tận dụng đất đắp san nền khu vực dự án là 1.119.141,48m³; còn lại lượng đất thừa 2.901.343m³ là nguồn vật liệu có thể sử dụng để san lấp. Sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, chủ dự án lập hồ sơ trình UBND tỉnh xin cấp phép tận thu, nộp tiền cấp quyền khai thác.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với chất thải nguy hại lỏng: Trang bị các thùng chứa dung tích 240 lít/thùng có dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ tại khu vực riêng có mái che cạnh khu lán trại có diện tích 20m².

- Đối với chất thải nguy hại rắn: Trang bị các thùng chuyên dụng thể tích 50lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại rắn. Các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn mác, có nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại khu vực riêng có mái che cạnh khu lán trại có diện tích 20,0m².

Định kỳ 01 năm/lần chủ đầu tư và đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Hạn chế vận hành các máy móc thiết bị đồng thời gần các khu dân cư.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải

a. Đối với Chủ đầu tư hạ tầng:

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, qua các hố gas để lắng cặn, được xả ra mương hở thoát nước phía Tây Nam khu đất dự án, sau đó chảy ra suối Đồng Hòn. Thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 1.000m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý. Hệ thống bao gồm 02 modul, mỗi modul có công suất xử lý là 500m³/ngày.đêm. Sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, xả ra mương hở thoát nước phía Tây Nam khu đất dự án, sau đó chảy ra suối Đồng Hòn. Toạ độ vị trí xả nước thải dự kiến (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3^o): X = 2174311; Y = 558318.

Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể trung hòa → Bể UASB → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Mương thoát nước phía Tây Nam khu đất dự án và chảy ra suối Đồng Hòn.

- Để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, Chủ đầu tư bố trí diện tích đất xây dựng hồ sự cố bên cạnh khu đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích khoảng 1.900m³, kết cấu đáy và xung quanh hồ bằng bạt nhựa HDPE chống thấm nhằm lưu nước trong thời gian 02 ngày chờ khắc phục sự cố tại các modul xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

- Lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra môi trường; lắp đặt camera theo dõi, các thông số quan trắc tự động, liên tục. Các thông số quan trắc online gồm: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), Nhiệt độ, pH, COD, Amoni.

- Yêu cầu nhà đầu tư thành viên phải xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại, nước thải sản xuất (tùy theo từng loại hình sản xuất, nếu trong thành phần nguyên liệu sản xuất có chứa kim loại nặng thì xử lý sơ bộ nước thải sản xuất với chỉ số kim loại nặng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)) trước khi dẫn về hệ thống xử lý tập trung của Cụm công nghiệp; thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp theo đúng quy định.

Nước thải sinh hoạt của các nhà đầu tư thành viên phải đạt các chỉ tiêu theo bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/l	344,8
3	BOD ₅	mg/l	694,4
4	COD	mg/l	539,2
5	Tổng N	mg/l	1.666,6
6	Tổng P	mg/l	5.000
7	Amoni	mg/l	4.166,7

- Trong quá trình thu hút các nhà đầu tư vào cụm công nghiệp, yêu cầu chủ đầu tư thường xuyên đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung, trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung không còn đủ khả năng tiếp nhận, chủ đầu tư hạ tầng phải đầu tư nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo tiếp nhận xử lý nước thải cho các nhà đầu tư thành viên đạt yêu cầu theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) trước khi thải ra môi trường.

b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/cấp giấy phép, hoàn thành trước khi vận hành. Nước thải được xử lý theo điều kiện ghi trong văn bản thỏa thuận với Ban quản lý khai thác hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trước khi đấu nối vào điểm thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phải có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành.

- Bố trí cán bộ có chuyên môn về môi trường phụ trách bảo vệ môi trường dự án, được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

a. Đối với Chủ đầu tư hạ tầng:

- Đầu tư đồng bộ hệ thống đường giao thông trong cụm công nghiệp, đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Xây dựng dải cây xanh cách ly xung quanh cụm công nghiệp với chiều rộng tối thiểu 10m và đảm bảo đủ tỷ lệ theo quy định tại QCVN 01: 2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Đặt nội quy, quy định các phương tiện xe máy ra, vào khu vực nhà xe phải tắt máy; đối với ô tô khi đã đậu đỗ trong khu vực dự án bắt buộc phải tắt

máy để hạn chế khí thải ra môi trường.

- Sử dụng ô tô phun nước $5,0\text{m}^3$ phun tưới nước trên các tuyến đường giao thông trong cụm công nghiệp với tần suất 02 lần/ngày, tăng tần suất vào những ngày nắng, nóng, khô hanh.

- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải của các nhà máy thứ cấp theo quy định hiện hành.

- Bố trí các nhà máy sản xuất trong cụm công nghiệp đảm bảo khoảng cách theo quy định, đặc biệt là các loại hình có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí đối với khu dân cư, các công trình công cộng.

b. Đối với các nhà đầu tư thứ cấp:

- Đầu tư công trình thu gom xử lý khí thải và thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn theo hồ sơ môi trường được theo hồ sơ môi trường đã được cấp thẩm quyền phê duyệt/cấp phép.

- Lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp với loại hình sản xuất của cơ sở, đảm bảo giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh ra môi trường.

- Bố trí cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường để thực hiện các nội dung về trách nhiệm bảo vệ môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

a. Đối với Chủ đầu tư hạ tầng:

- Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn; giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn cho các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

- Kiểm tra việc thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hồ ga, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bể xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp, Ban Quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật hợp đồng với đơn vị có chức năng nạo hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 12 tháng/lần.

b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thông thường theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/cấp giấy phép.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn theo các quy định hiện hành.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

a. Đối với Chủ đầu tư hạ tầng:

- Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp; Giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

- Kiểm tra việc xử lý tuân thủ thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn nguy hại theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/cấp giấy phép.

- Thu gom chất thải nguy hại công nghiệp vào các thùng chứa theo quy định có dán nhãn. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại đặt tại nơi thích hợp trong nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải.

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Đối với Chủ đầu tư hạ tầng:

- Yêu cầu các nhà máy thứ cấp đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, có chỉ số kinh tế - kỹ thuật và định mức tiêu hao nhiên liệu tiên tiến, hạn chế tiếng ồn và độ rung.

b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân: Quần áo, kính mắt, khẩu trang, nút tai chống ồn. Lắp đặt quạt thông gió tại các khu vực nhà xưởng.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống làm mát tại nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại Nhà máy thứ cấp.

- Trồng cây xanh theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường đối với nước thải trong giai đoạn vận hành dự án

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Quan trắc định kì:

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Chì, Kẽm, Đồng, Crom(VI), Crom (III), Tổng P (tính theo P), tổng N, Amoni (tính theo N), Phosphat(PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

- + NT: Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và nước thải sau xử lý tại HTXL nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B); QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

b. Quan trắc tự động, liên tục:

- Chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, COD, Amoni.

- 01 vị trí quan trắc gồm: Nước thải sau xử lý của HTXL nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$); QCVN 14:2008/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; $K = 1,0$).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Báo cáo UBND tỉnh đề điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án theo nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.
- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề quy định tại Mục 1.2 Phụ lục này;
- Sau khi đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án; yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.
- Phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước khu vực bên ngoài dự án, đảm bảo nước thải sau xử lý được thu gom triệt để và tiêu thoát nước tốt.
- Các phân khu chức năng trong Cụm công nghiệp phải được quy hoạch bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Hoàn thành việc trồng cây xanh cách ly quanh Cụm công nghiệp với chiều rộng ≥ 10 m trước khi đưa dự án vào hoạt động.
- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.
- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.